

TUYÊN TẬP LÝ ĐÔNG A

**NỀN TRIẾT HỌC
CHÍNH THỐNG**

**HỌC HỘI THẮNG NGHĨA
2016 – 4895 T.V.**

Nền Triết Học Chính Thống

Dẫn Nhập

Muốn thâm nhập được Nền Triết Học Chính Thống của chủ nghĩa Duy Dân, trước hết cần có sự kiểm thảo lại việc Học và Hiểu, nghĩa là xét nét lại những nền triết học cũ để tìm một quan điểm đích xác thích hợp vào hiện đại.

Học bao gồm mọi phương châm, tinh thần, phương pháp, thái độ để tìm tòi được, vận dụng được tất cả những tri thức quan hệ đến sự sống còn của loài người.

Như thế giáo dục là gồm những phương châm, phương thức, phương pháp mang đến cho loài người được giáo dục cái tinh thần học hiểu ấy.

CĂN BẢN CHỦ NGHĨA

Tư Tưởng, Vũ Trụ và Xã Hội đều là Thống Nhất

Tư tưởng vừa là phản ảnh của Vũ Trụ và Xã Hội lại vừa là công cụ vũ khí tinh thần cấp dưỡng cho loài người cái năng lực trong quá trình sinh hoạt đấu tranh. Song các tuyệt điểm mục đích của công tác tư tưởng là tìm tòi chân lý, mà nhu dụng của chân lý là chìa khóa cởi mở, khám phá những luật tắc căn bản mà ta cần nắm giữ làm vũ khí, công cụ tinh thần cho sự sinh tồn của nhân loại.

Chương I

ĐỀ CƯƠNG MỘT NỀN TRIẾT HỌC CHÍNH THỐNG

Đứng trước cửa ngõ của thời đại này, ta cần đi đến một phán đoán tối hậu (dernier jugement), tức là đem những tri thức của loài người để khách quan chiếu ứng với sự bộc lộ mà quyết định cái luân khoáng của chân lý (luân: bánh xe, khoáng: vành bánh; luân khoáng: domaine, limité). Ta còn cần áp dụng câu "*Hiển chư nhân, tàng chư dụng*" trích trong thiên Hệ Từ thượng truyện¹, nghĩa là đem cái phần nhân nghĩa ra nói rõ, còn phần dụng đem dấu kín đi.

¹ 顯諸仁, 藏諸用.

Thuộc tiết 4, chương V của thiên Hệ Từ thượng truyện, kinh Dịch.

Học hội Thăng Nghĩa

Cho nên trong công cuộc kiểm thảo các chủ nghĩa, ta nên biết thấu qua những phần đã hiển hiện mà khám phá ra phần vận dụng vẫn còn tàng mật.

A. Định Danh Chủ Nghĩa

Một Chủ Nghĩa phải là một thể hệ² trọn vẹn Triết Học, Khoa Học, Thuật Học của một Văn Minh. Nói hẹp lại: Chủ Nghĩa là một thể hệ trọn vẹn gồm hết các kết cấu thành phần, từ phần quy nạp đến phần diễn dịch và cả phần hiệu quả. Một thể hệ triết học mà chưa đầy đủ, trọn vẹn được các điều kiện đó chỉ có thể gọi là Chủ Trương, chưa mệnh danh là Chủ Nghĩa được.

Muốn thâm thấu một Chủ Nghĩa cần phải khám phá ra những luật tắc căn bản, cắt nghĩa được, nắm giữ được và vận dụng được. Nếu chỉ luẩn quẩn ở phần hiển hiện mà không khám phá ra được phần vận dụng của nó, tức lạc vào "*la võng*³ *mê hồn*". Tỷ dụ như ông cha ta khi đọc Kinh Dịch chỉ biết có Bát Quái mà không nghiên cứu tại sao có Bát Quái, vì thế nên không nắm giữ được phương châm của thể hệ học thuật Trung Hoa.

Nay y cứ vào nhận xét trên đây, kiểm thảo lại học thuật của các thời đại, đồng thời ở mỗi quốc gia.

Sở dĩ một quốc gia được độc lập siêu nhiên là vì có thể đồng hóa được những thể hệ văn hóa khác. Sự đồng hóa ấy không phải là một công tác vá víu mà chính là khám phá được những luật tắc tối cao, biên khảo lại và đào tạo một nền văn minh mới.

Một nhà bác học Đức là ông Ariott, Hội Trưởng hội Cứu Tế Tinh Thần đã tóm tắt phương châm của hội như sau: "*Hấp thụ tinh hoa quốc tế thông qua đặc tính của dân tộc*".

Câu đó mới nghe tuy có phần đặc sắc, song thực ra chưa có luân khoáng rõ rệt. Vì loài người là Nhất Tính từ Đông sang Tây, từ Cổ chí Kim nên không thể phân biệt văn minh vật chất, văn minh tinh thần, văn minh Tây phương, văn minh Đông phương được.

² Theo nhà thơ Vương Tân (tên thật là Lê Nguyên Ngự), đây là chữ viết tắt của cụm từ "*thể hiện thành hệ thống*". Chi tiết này có được ghi lại trong Hồi ký của nhà thơ Vương Tân, khi ông tường thuật về những buổi trực tiếp đi nghe ông Lý Đông A thuyết trình về triết học Duy Dân tại Hà Nội.

³ Lưới đánh chim và lưới đánh thú. Nghĩa bóng: cái dùm để hãm hại người. Đào Duy Anh, 2005. *Hán Việt từ điển*. Nxb. Văn hóa Thông tin. Tr. 385.

Có điều ở mỗi Dân Tộc thường có những đặc tính quy định bởi lịch sử phát triển, hoàn cảnh phân bố và những nhân quả tích lũy đặc biệt. Cho nên một văn minh chân chính ngày nay phải đứng trên Nhất Tính Nhân Loại để phát triển Đặc Tính Dân Tộc.

Văn minh của dân tộc Đại Việt ta không thể chỉ đứng ở chỗ khôi phục lại tinh thần Á Đông, mà còn phải chinh cứu cái để uẩn⁴ tối cao của loài người và để uẩn muôn năm xưa của nòi giống, rồi kiểm thảo và phát dương văn minh mới.

Vậy công việc cốt yếu đầu tiên là mang kết quả các chủ nghĩa của toàn thể nhân loại kiểm thảo lại, đó tức là nêu lên lịch sử triết học vậy.

B. Định Danh Triết Học Sử

Thế nào là lịch sử triết học?

1. Theo quan điểm của Duy Tâm và Duy Vật.

- a. Theo quan điểm Duy Tâm, Hégel có định nghĩa một câu mà Marx nhắc lại: "*Lịch sử triết học là biểu hiệu lịch sử tối cao và tối vĩnh viễn của tuyệt đối tinh thần*".

Song, nếu ta nhìn vào sự thực, ta sẽ thấy lịch sử triết học bao trùm nhiều trận doanh triết học phản đối đấu tranh lẫn nhau mà không có cái chi là biểu hiệu thống nhất của tuyệt đối ý chí, tuyệt đối tinh thần.

- b. Theo quan điểm Duy Vật phái thì: "*Lịch sử triết học là sự mâu thuẫn đời đời của hai trận doanh Duy Vật và Duy Tâm*".

Sự định nghĩa này có nhược điểm là: ở trên sự thực, ta thấy sự đấu tranh thường yêu cầu một kết luận tung hợp.

Sở dĩ hai phái đều định nghĩa một cách thiên lệch vì họ chỉ biết kiểm thảo phần ý thức dĩ hạ⁵, là phần thuần túy trong công tác tăng thêm tinh thần mà không quan hệ đến sự thực.

⁴ Để uẩn: Thực tình bề trong – Như chữ: nội dung.
Đào Duy Anh, 2005. *Hán Việt từ điển*. Nxb. Văn hóa Thông tin. Tr. 220.

⁵ Dĩ hạ: Trở xuống dưới; ở sau này.
Đào Duy Anh, 2005. *Sđd*. Tr. 173.

Một công cuộc kiểm thảo chính đáng phải lấy Sự Thực làm y cứ mới mong đạt tới một kết luận quyết định, vì ý thức chỉ là phản ảnh của thực trạng Vũ Trụ và Xã Hội.

Tuy nhiên, sự phản ảnh ấy cũng là một thể hệ độc sinh độc dưỡng trong sự thành lập và diễn tiến ra nó. Vì hai bên thường đối chiếu như vậy nên cuộc khám phá chân chính phải kéo sát phần ý thức dĩ hạ vào phần ý thức dĩ thượng.

2. Theo quan điểm của Duy Dân.

Lịch sử loài người không bao giờ đạt tới thuần túy Duy Tâm, Duy Vật hay Duy Sinh, mà tất cả cuộc đấu tranh triết học đều đem đến một kết luận tung hợp ở trong một Nhân Đạo Chủ Nghĩa, nó biểu hiện theo nền tảng và trình độ thời đại ra hình thái đặc tính.

Suốt trong thời đại Trung Cổ (Middle Age), sự đấu tranh triết học rút cuộc đưa đến một cuộc Nhân Văn Phục Hoạt và đời Xuân Thu Chiến Quốc đưa đến sự phát hiện Nhân Quyền.

Cho nên chủ nghĩa Duy Dân định nghĩa triết học sử như là cuộc vận dụng biện chứng và cơ năng giữa các ý thức hình thái và doanh lũy Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh tranh đấu, điều hợp lẫn nhau để tung hợp nên ý thức Tập Đại Thành Duy Dân vậy.

Trong việc chỉnh lý, phê bình những thể hệ triết học từ đầu đến cuối, một thái độ khách quan cố nhiên là cần thiết, song ngoài ra, các chủ nghĩa đôi khi còn có những bộ phận chưa thực thức giác và kết cấu thành tựu được, ta còn phải tìm tòi, phát triển để mang vào chỉnh lý cho họ. Tỷ dụ như chủ nghĩa Tam Dân chỉ mới thành tựu được trên thực tiễn lý luận, các nhà lý thuyết Quốc Dân Đảng Trung Hoa (Diệp Thành, Trần Lạp Phu) còn đang vận dụng tìm tới cội gốc trong Trung Dung để bồi bổ.

Chương II

XÁC LẬP NHỮNG ĐIỀU KIỆN NỀN TẢNG CỦA MỘT NỀN TRIẾT HỌC CHÍNH THỐNG

Muốn chính lý một nền triết học, ta thường chia ra làm 3 phần: Phần quy nạp, phần diễn dịch và phần hiệu quả (partie inductive, deductive, effective).

A. Phần Quy Nạp

Gồm những thành phần nền tảng, những bí quyết vận dụng để làm then chốt cho việc áp dụng vào xã hội. Phần này gồm cơ bản lý luận và công cụ lý luận.

- a. Cơ Bản Lý Luận: Luận về bản thể chủ nghĩa (ontologie), tức là cách diễn giải cái căn cứ (hoặc đối tượng) tối cao, tiền đề tối định và phát xuất tối sơ của chủ nghĩa. Những công năng của chủ nghĩa có được nhiệm mầu hay không cũng là nhờ ở cơ bản lý luận cả.
- b. Công Cụ Lý Luận: Sau khi đã đặt được phần cơ bản, lại cần phải vận dụng công cụ tinh thần đó triển khai thành lý luận diễn dịch thuần túy và thực tiễn. Đây là phần công cụ lý luận mà tiêu biểu trong Duy Tâm phái là Tam Đoạn Luận hay Hégel biện chứng, và trong Duy Vật phái là Duy Vật biện chứng pháp. Phần công cụ lý luận thường gồm những phạm trù hiểu giải (catégorie de l'entendement) và những quy nạp tư tưởng để nắm giữ và vận dụng luật tắc cốt lõi của vũ trụ vào xã hội thông qua con người. Phần này là phần tim óc của chủ nghĩa, do đó mà thành lập được nhận thức luận (épistémologie), phương pháp luận (méthodologie), hành động luận (activitologie). Đại khái những luật tắc vũ trụ thường chia làm hai phương diện Tĩnh và Động (Tĩnh ví như Tam Đoạn Luận, Động ví như biện chứng Duy Vật) phối hợp thành những nguyên tắc sau đây:

TĨNH (Tam Đoạn Luận Duy Tâm)

- a) Mâu thuẫn luật tắc.
- b) Bài chung luật tắc (loi d'induction).
- c) Đồng nhất luật tắc (loi d'indentité).

ĐỘNG (Biện Chứng Pháp Duy Vật)

- a) Mâu thuẫn luật tắc.
- b) Chất lượng hồ biến luật tắc (loi changement entre quantité et qualité).
- c) Chối bỏ luật tắc (loi de négation).

B. Phần Diễn Dịch

Mang những nền tảng đặt định ở phần cơ bản lý luận kéo sát vào thực tiễn, tức là đem luật tắc vũ trụ áp dụng vào xã hội để đặt định những phương châm, phương thức, phương pháp thực hành. Phần này gồm thuần túy lý luận và thực tiễn lý luận.

- a. Thuần Tuý Lý Luận: Đem kết quả của cơ bản lý luận áp dụng vào Xã Hội Tự Tính để tìm những nguyên tắc thuần tuý căn bản, do đó biết được quan điểm về Tính Con Người (Nhân Tính Quan), về Xã Hội Xuất Phát (Xã Hội Quan), về Trung Tâm Luật Tắc của lịch sử (Lịch Sử Quan).
- b. Thực Tiễn Lý Luận: Đem những nguyên tắc thuần tuý ấy phụ vào công việc thực tiễn cách mạng, chính trị và kiến thiết mà tìm phương châm hành động.

C. Phần Hiệu Quả

Phần này là phần Công Năng của chủ nghĩa trong công việc bảo vệ vận mệnh loài người, thực hiện lịch sử và đào tạo văn minh tương lai. Do đó đem những công cụ lý luận ở phần quy nạp và đem thuần túy lý luận ở phần diễn dịch trên đây ứng dụng vào việc nghiên cứu:

- a. Nghiên cứu lịch sử và sự thành lập lịch sử bí mật để liệu định trước sự biến chuyển của lịch sử mà nắm đúng được thời cơ để thực hiện thành công lịch sử tương lai (Lịch Sử Luận).
- b. Nghiên cứu Xã Hội và Con Người để nắm vững và thành lập vận mệnh của xã hội và vận mệnh của cá nhân (Vận Mệnh Luận).
- c. Nghiên cứu Văn Minh Tương Lai và thành lập Văn Minh Luận để đặt định nền tảng và tính cách của nền văn minh đó.

Công việc chỉnh lý và phê phán chủ nghĩa cần phải tuân theo trình tự kết cấu như trên, lấy đó làm cương lĩnh cho công việc kiểm thảo.

Chương III

PHÂN TÍCH KIỂM THẢO BA CHỦ NGHĨA TÂM, VẬT, SINH

Nay xét trên lãnh vực triết học thế giới, ta chỉ thấy có ba thể hệ trọn vẹn có thể gọi là chủ nghĩa. Ta sẽ lần lượt kiểm thảo dưới đây.

DUY TÂM Phái

Gọi bằng Duy Tâm phái không được bách chân, phải gọi là Duy Thần phái, vì bản lai của muôn sự, muôn vật là Thần, cho nên Thần là tối cao căn cứ của chủ nghĩa.

Nghiên cứu lại chữ Thần chỉ là một phạm trù siêu hình học (catégorie métaphisique) không thể lấy khoa học gì mà nắm chắc và chứng minh được.

Trên bản thể lý luận về Thần, ta có thể lấy thí dụ như câu chuyện ông Saint Thomas D'Acquin dạo chơi trên bờ biển gặp đứa bé múc nước đổ vào lỗ cát trên bãi biển, đổ ngần nào cát ngấm ngần ấy, ông Thomas hỏi đứa trẻ: *"Tại sao làm công việc đổ đại ấy"*. Đứa bé trả lời: *"Cũng không đổ đại bằng công việc của ông, lúc nào cũng cố công gắng sức tìm tòi cái bản thể của trời đất, vì bản thể kia bất khả tri, bất khả luận vậy"*⁶.

Nay nhận xét trong lịch sử, thấy phạm trù Thần phát sinh trong xã hội vào hai thời kỳ: Thần tặc và Đế tặc.

Thời kỳ Thần tặc còn phảng phất nhiều di tích và nguyên lai động vật, do đó cái tục Hèm (Totem) áp dụng vào một tập thể sinh tồn quốc gia nhỏ (tribu: bộ lạc, tông tộc). Song dần dần quan niệm đa Thần ấy biến đổi và đặt định duyên khởi vũ trụ trong tay một vị Thần tối cao cả thiêng liêng. Quan niệm thống nhất này đã được chuyển sang thời kỳ Đế Tắc (Thần Đế kỳ tặc), người Hy Lạp gọi là Zeus, người Hồi gọi là Allah, người Ấn gọi là

⁶ Thomas d'Acquin (tiếng Ý: Tommaso d'Aquino, tiếng Latinh và tiếng Anh: Thomas Aquinas) (1225-1274), một tu sĩ linh mục dòng Dominicains, người Ý. Đại diện của triết học kinh viện thời trung cổ Tây phương, thuộc trường phái duy thực (gốc từ tiếng Latinh, hậu ký realis là "thuộc về vật chất thực tại"). Thomas d'Acquin cho rằng chỉ có những khái niệm chung mới là những cái có trước, có ý nghĩa, còn các sự vật đơn nhất là những cái có sau, xuất phát từ các khái niệm chung. Đồng thời, "Thượng Đế" là cái khởi đầu, cơ sở, đồng thời là cái tuyệt đối, khuôn mẫu lý tưởng cho toàn bộ sự hiện hữu đơn nhất. Thomas d'Acquin là một triết gia duy thực ôn hòa, mong muốn tìm lời giải đáp trung dung đối với các vấn đề thần học và triết học.

Brahma vậy, người Do Thái gọi là Yéhovah, người Tàu gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đem phạm trù Thần ra nghiên cứu dưới công thức Duy Dân, ta thấy hoạt động tinh thần chỉ được đặt ngang hàng với chủng tộc và vật chất, vì vốn liếng tinh thần cũng là do sự tích lũy đời đời của kinh nghiệm, hành động và tri thức của loài người.

Sau khi xã hội thành lập thì sự ma sát (friction) của những ý thức chủng tử⁷ sinh ra Thần. Tinh thần vì thế có sau xã hội, cũng như kinh tế có sau xã hội.

Sự kết hợp của ý thức chủng tử phát sinh ra Thần, do điều nhận xét đó ta có thể giải thích được thuyết luân hồi, nó chỉ là một chu kỳ luật về ý thức chủng tử.

A. Phần Quy Nạp

1. Cơ Bản Lý Luận.
 - a. Căn Cứ Tối Cao là Thần.
 - b. Tiền Đề Tối Định là tuyệt đối tinh thần (esprit absolut), nó chi phối cả vũ trụ.
 - c. Xuất phát tối sơ là sự phát sinh và cứu cánh (origine et finalité) của Thần vậy.
2. Công Cụ Lý Luận.
 - a. Nhận Thức Luận của Duy Tâm thiên về Tĩnh hơn Động, chủ trương Diễn Dịch hơn là Quy Nạp, nhất là thời kỳ Đế Tắc chuyển sang thời kỳ Danh Tắc (noménologie).
 - b. Phương Pháp Luận: Thường dùng Tam Đoạn Luận làm phương pháp lý luận. Đợi mãi đến thế kỷ 18, Hégel mới tu chỉnh lại mà đặt ra Duy Tâm Biện Chứng Pháp gồm:
 1. Tam Đoạn Luận.
 - Chính Đề (Thèse).
 - Phản Đề (Antithèse).

⁷ Chủng tử (tiếng Nhật: shushi/shuji) có nghĩa thông thường là mầm sống, hạt mầm, hạt giống. Chủng tử là một phạm trù triết học căn bản trong Duy Thức tông – một trong hai nhánh chính của Phật giáo Đại thừa, chỉ nhân tố (nguyên nhân thuộc về yếu tố căn bản) hay nguyên nhân để sanh khởi vạn pháp trong thế gian.

Sách Nhiếp luận của Vô Trước Đại sỹ (Ấn độ) giải thích: “*Như hạt đại mạch có công năng nảy mầm nên có tính chủng tử. Nếu vì lâu ngày hay do ảnh hưởng lửa mà công năng ấy bị hỏng; bấy giờ hình tướng của hạt đại mạch tuy vẫn như cũ nhưng nó không có tính chủng tử nữa.*”

- Hợp Đề (Synthèse).
- 2. Cơ Bản Luật Tắc.
 - Mâu Thuẫn Luật.
 - Bài Trung Luật.
 - Đồng Nhất Luật.
- 3. Hành Động Luận.
Đặc điểm vẫn là ở chỗ cho rằng mọi sự biến đổi đều tùy theo tinh thần tuyệt đối cả.

B. Phần Diễn Dịch

1. Thuần Tuý Lý Luận.
 - a. Xã Hội Quan: Xã hội xuất phát là y cứ vào trật tự sẵn có. Phái Duy Tâm cho đó là một sự biểu hiện tối cao mà mọi người đều phải nhận nhận phục tùng, đó là một đức tính cần yếu nhất cho mọi phần tử trong xã hội và khuynh hướng của mỗi người là yêu cầu chính quyền bảo thủ và cải cách.
 - b. Lịch Sử Quan: Trung tâm luật tắc trên lịch sử học: Lịch Sử là biểu hiện của ý chí tối cao ra từng cuộc đời.
 - c. Nhân Tính Quan: Luận về Tính người cho rằng con người vốn Lành, Thiện.
2. Thực Tiễn Lý Luận.
Duy Tâm phái thường thiên về giáo dục, lấy giáo dục làm nhân tố chủ động cải cách, kiến thiết xã hội loài người. Cho nên:
 - a. Cách Mạng Luận: Không chủ trương cách mạng, chỉ y cứ vào trật tự sẵn có.
 - b. Chính Trị Luận: Chủ trương bảo thủ, chỉ y cứ vào trật tự sẵn có do Thượng Đế đã sắp đặt.
 - c. Kiến Thiết Luận: Lấy giáo dục để cải tạo, kiến thiết con người và xã hội.

C. Phần Hiệu Quả

1. Lịch Sử Luận: Tài đức của người lãnh đạo quyết định sự thành công hay thất bại của lịch sử.
2. Vận Mệnh Luận: Đưa đến Định Mệnh chủ nghĩa (determinisme).
3. Văn Minh Luận: Chú trọng biểu hiện đức tính hơn là hưởng thụ.

DUY VẬT PHÁI

A. Phân Quy Nạp

1. Cơ Bản Lý Luận.

a. Căn Cứ Tối Cao là Vật Chất (matière).

Nhưng thế nào là vật chất? Kiểm thảo bằng tiến hóa khoa học, ta thấy đã khám phá ra nguyên tử, lượng tử (quantum), năng tử (monade), rồi còn nhỏ nhỏ nữa. Từ chỗ cực vi đến vĩ trụ, hai thái cực đó đối chiếu lẫn nhau làm ta không quyết định được tính chất tuyệt đối của vật chất làm tối cao căn cứ. Trong lịch sử của nhân loại, khi con người tiến từ thời kỳ Thần Tắc sang Đế Tắc, Danh Tắc rồi Lý Tắc, sự khám phá luật tắc nghiêm ngặt khách quan của vĩ trụ là điều kiện chủ yếu nắm giữ chân lý. Sự sùng bái Lý Tắc làm nảy nở ra chủ nghĩa Duy Vật.

Đem phạm trù Duy Vật đặt định vào công thức nghiên cứu của Duy Dân thì vật chất hoạt động phải bình quân giải quyết với tinh thần và chủng tộc. Nếu nắm giữ thiên lệch, vật chất sẽ được siêu hình hoá và kết thành Duy Vật chủ nghĩa.

b. Tiền Đề Tối Định của Duy Vật chủ nghĩa là vật chất vạn năng.

c. Xuất Phát Tối Sơ là phát sinh, cứu cánh vĩ trụ đều do vật chất kiến lập đặt để ra.

2. Công Cụ Lý Luận.

a. Nhận Thức Luận: Chỉ biết có khách quan mà không biết có chủ quan, chú trọng Quy Nạp, chủ trương tích cực phá hoại.

b. Duy Vật phái thiên về Động mà thành lập Duy Vật biện chứng pháp, đầy đủ hơn phái Duy Tâm⁸, gồm:

1. Cơ Bản Mệnh Đề:

- Chính đề.
- Phản đề.
- Tổng Hợp đề.

2. Các Nguyên Lý:

- Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của các hiện tượng.

⁸ Marx từng xác nhận mối quan hệ về mặt phương pháp biện chứng của ông đối với Hegel: "Phương pháp biện chứng của tôi không những khác với phương pháp biện chứng của Hegel mà nó còn đối lập trực tiếp. Đối với tôi lý tưởng không là gì khác hơn thế giới vật chất phản ánh bởi tinh thần của con người và diễn dịch thành những hình thái tư duy. ... Vì thế tôi công khai thú nhận tôi là học trò của nhà tư tưởng vĩ đại này, và hiển nhiên đây đó, trong chương sách luận về giá trị, tôi đã làm dáng với những mô thức diễn tả đặc biệt của Hegel." (Lời bạt cho Das Kapital của ấn bản tiếng Đức lần thứ hai. Tham khảo Đặng Phùng Quân, Phê phán hệ tư tưởng Mác-xít, Chương 2)

- Nguyên lý về vận động và phát triển.
- 3. Các Quy Luật:
 - Mâu Thuẫn luật.
 - Lượng Đổi Chất Đổi luật.
 - Phủ Định Của Phủ Định luật⁹.
- 4. Các Phạm Trù:
 - Cái Riêng và Cái Chung.
 - Nguyên Nhân và Kết Quả.
 - Tất Nhiên và Ngẫu Nhiên.
 - Nội Dung và Hình Thức.
 - Bản Chất và Hiện Tượng.
 - Khả Năng và Hiện Thực.
- c. Hành Động Luận.
 Chủ trương Cách Mạng Vô Sản lật đổ Tư Bản để xây dựng xã hội Cộng Sản vô giai cấp, vô chính phủ, nhân dân tự làm chủ đời sống xã hội.

B. Phần Diễn Dịch

1. Thuần Tuý Lý Luận.
 - a. Xã Hội Quan: Duy Vật phái mang tự nhiên khoa học (science de la nature) áp dụng một cách không tiêu hóa vào đời sống xã hội, lại tin tưởng tuyệt đối vào vật chất nên chỉ đề xướng có thể lực và quyền lực (force et droit). Xã hội lý tưởng rập mẫu theo nguyên thủy Cộng Sản và theo tự nhiên kinh tế. Thực ra thời đại Cộng Sản nguyên thủy còn theo mẫu hệ (matriarcat), di tích của nguyên lai xã hội và chưa có mô hình tổ chức xã hội của loài người. Còn bốn chữ "Tự Nhiên Kinh Tế" mâu thuẫn lẫn nhau, vì "Kinh Tế" bao giờ cũng bao hàm một thủ đoạn nhân vi, trái ngược với hai chữ "Tự Nhiên". Triết học Duy Vật y cứ vào lý tưởng mô hình đó là điều nhằm lẫn. Và lại quan niệm quyền lực và quyền lợi mang đến sự phân chia giai cấp mà Duy Vật biện chứng lấy làm công cụ đấu tranh.
 - b. Lịch Sử Quan: Trung tâm luật tắc lịch sử là tiếp tục không ngừng đấu tranh giai cấp.
 - c. Nhân Tính Quan: Luận về Tính Người cho rằng tính con người vốn Ác.

⁹ Trong triết học Marx-Lenin, các quy luật này được gọi là Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, Quy luật chuyển hóa từ những biến đổi về lượng thành những biến đổi về chất và ngược lại, và Quy luật phủ định của phủ định. C. Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia - 1994, tr. 179 - 202.

2. Thực Tiễn Lý Luận.
 - a. Cách Mạng luận có mấy điều:
 - Giai cấp bạo động cách mạng đưa đến độc tài vô sản.
 - Chủ lực cách mạng: Thuần túy vô sản. Người hữu sản là người lợi dụng được những kỹ thuật và quan hệ sản xuất.
 - b. Chính Trị Luận: Chính trị là mặt nạ bóc lột giai cấp, quốc gia là công cụ đấu tranh của giai cấp cho nên xoá bỏ biên giới quốc gia (thế giới đại đồng) và chính trị quốc gia (vô chính phủ).
 - c. Kiến Thiết Luận: Theo Marx thì xã hội sẽ đi đến cao độ công sản, mà người vô sản trần truồng sẽ nắm giữ chính quyền¹⁰.

C. Phần Hiệu Quả

1. Lịch Sử Luận: Lịch sử chỉ là sự tiến hóa cơ giới (mécanique) của các điều kiện vật chất của các thời đại.
2. Vận Mệnh Luận: Tất nhiên Duy Vật đi tới xã hội và vũ trụ tất định chủ nghĩa, song cũng còn chủ trương con người cần tự giác ngộ về điều kiện và nhiệm vụ xã hội của mình. Sự thức tỉnh sẽ dần dà mang lại cho loài người một lối tổ chức có thể làm mất sự đấu tranh giai cấp và con người dần đạt đến sự tự do xã hội, nên Duy Vật phái kết luận bằng một viễn ảnh đẹp đẽ: một xã hội vô giai cấp để đoàn kết chặt chẽ đấu tranh với trở ngại tự nhiên.
3. Văn Minh Luận: Chủ trương sự hưởng thụ phân phối cho bình đẳng. Cần nắm giữ kinh tế làm sơ đẳng kiến trúc, còn thượng tầng kiến trúc sẽ theo đó mà kết cấu hợp lý.

DUY SINH PHÁI

Nguyên lai phái này chưa thành hẳn hệ thống, cho nên muốn phân tích như trên, cần phải phát quật trong các sách có những bộ phận thiếu sót để bồi bổ thêm vào.

A. Phần Quy Nạp

1. Cơ Bản Lý Luận

¹⁰ Triết học Marx không chỉ là một triết thuyết thuần túy, một khi nó gắn liền với mưu cầu quyền lực chính trị. Về lý luận, triết học Marx hướng tới mục tiêu làm biến đổi thế giới theo ý chí chủ quan chứ không nhằm giải thích thế giới ấy một cách khách quan. Cộng thêm đặc thù đảng tính, triết học Marx hướng đến nhất nguyên và không chấp nhận một xã hội đa nguyên.

- a. Căn Cứ Tối Cao: Trong sách Chu Lễ, thiên Đại Đồng Lễ Vận có câu: “*Thiên Đạo Duy Sinh*” hay “*Thiên Đức Hiếu Sinh*” có thể lấy làm Danh Tắc, được Tôn Văn thành lập Tam Dân Chủ Nghĩa. Trong bộ Kiến Quốc Phương Lược, thiên Tâm Lý Kiến Thiết có đặt để một cách bất tri, bất giác cái nhúm đầu của Duy Sinh Chủ Nghĩa, đó là cái Sinh Nguyên (cellule) làm căn cứ tối cao. Thực ra nó chỉ là cái tế bào, song muốn biểu hiện hết ý nghĩa triết học của nó, Tôn Văn cho sinh nguyên là cái thể thành tựu vũ trụ và xã hội.
- Trong Triết Học Sử, phạm trù Sinh này thường lẫn lộn trong hai thời kỳ Danh tắc và Lý tắc trong sự đấu tranh của hai trận doanh Tâm và Vật. Tức là hai nhất nguyên đó bật ra cái triết học chiết trung bình diện Duy Sinh là lưỡng nguyên vậy.
- Nếu đem phạm trù Sinh đặt để dưới công thức Duy Dân mà nghiên cứu, ta thấy Duy Sinh chú trọng vào hiện tượng vật chất sinh hoạt trong vũ trụ.
- b. Tiền Đề Tối Định: Điều kiện Nhân Chủng hoạt động trong xã hội bị siêu hình hóa đi thành ra vũ trụ quan. Cho nên, cái tiền đề tối định là Sinh Tồn vận động.
- c. Xuất Phát Tối Sơ: Sự phát sinh và cứu cánh của vũ trụ là do Sinh Thể (Être et vitalité).
2. Công Cụ Lý Luận: Ta có thể phát quật trong Kinh Dịch một công cụ biện chứng cho Duy Sinh phái được.
- a. Nhận Thức Luận: Về vũ trụ luật tắc, đại khái là có thể thành lập biện chứng lưỡng nguyên gồm trong câu: “Âm Dương tương ma, bát quái tương thăng” (khí âm khí dương cọ sát nhau mà thành ra tám quẻ, tám quẻ biến hóa thành ra vạn vật).
- b. Hành Động Luận: Vào xã hội, lấy câu: “Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật nhiên hậu hữu phu phụ, nhiên hậu hữu phụ tử, quân thần, bằng hữu” (có trời đất rồi sau mới có vạn vật, có vạn vật rồi sau mới có vợ chồng, mới có cha con, vua tôi, bè bạn).¹¹.

¹¹ Câu này có mượn ý từ câu: “Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật. 有天地，然後有萬物 Hữu vạn vật, nhiên hậu hữu nam nữ. 有萬物，然後有男女 Hữu nam nữ, nhiên hậu hữu phu phụ. 有男女，然後有夫婦 Hữu phu phụ, nhiên hậu hữu phụ tử. 有夫婦，然後有父子 Hữu phụ tử, nhiên hậu hữu quân thần. 有父子，然後有君臣 Hữu quân thần, nhiên hậu hữu thượng hạ. 有君臣，然後有上下 Hữu thượng hạ, nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thố. 有上下，然後禮儀有所措”.

Thuộc Hàm Tự Quái của quẻ Trạch Sơn Hàm; quẻ đầu của phần Hạ, kinh Dịch.

- c. Kiến Thiết Luận: Lấy câu: “Thành chi giả tính, kính chi giả thiên. Thành kính tồn tồn, đạo nghĩa chi môn”.
- d. Phương Pháp Luận: Trong trận doanh Quốc Dân Đảng ngày nay, những nhà lý thuyết đang nghiên cứu Trung Dung để tìm ra một công cụ biện chứng, nhưng vẫn chưa tìm ra manh mối. Họ mới tìm ra được mấy chữ sau này:
 - Thành: Thành thực, sung thực.
 - Minh: Minh mẫn.
 - Cương: Mạnh mẽ.
 - Thông: Thông thoát.

B. Phần Diễn Dịch

- 1. Thuần Tuý Lý Luận
 - a. Xã Hội Quan: Về Xã Hội Xuất Phát, Duy Sinh phái mang luật tắc âm dương của vũ trụ áp dụng vào xã hội mà thành lập một thứ “Freudisme”. “Kiềm giả Dương vật dã, Khôn giả Âm vật dã”.
 - b. Lịch Sử Quan: Trung tâm luật tắc của lịch sử là do xã hội vận động cốt để sống còn.
 - c. Nhân Tính Quan: Luận về Tính Người, cho rằng loài người là tinh thần phối hợp với vật chất.
- 2. Thực Tiễn Lý Luận
 - a. Cách Mạng Luận:
 - Chủ trương dân tộc cách mạng đi đến cực quyền, cực đoan dân tộc.
 - Chủ lực cách mạng là nòi Hán (Hán Tộc Thiên Hạ Chủ Nghĩa) muốn thống trị toàn thế giới.
 - b. Chính Trị Luận: Duy Sinh phái chủ trương chủng tộc và giáo dục. Có những câu của Tôn Văn: “Chính giả chúng dã, trị giả quản lý dã” (Quyền chính trị thuộc về dân chúng, quyền cai trị thuộc về chính phủ).
 - c. Kiến Thiết Luận: Theo thực dụng chủ nghĩa, chủ trương kiến thiết giai đoạn luận: Quân Chính, Hiến Chính, Huấn Chính.

C. Phần Hiệu Quả

- 1. Lịch Sử Luận: Về quan niệm lịch sử theo lý luận nhà nho cũ: bản thể là chủng tộc, song sự xấu tốt một phần lớn do người lãnh đạo quyết định.
- 2. Vận Mệnh Luận: Theo lối số học lý tắc (logistique) phân chia Âm Dương như trong Kinh Dịch, có thể tính toán để biết trước được.

3. Văn Minh Luận: Văn minh là sự phát hiện năng lực tối cao sinh tồn của chủng tộc.

Chương IV

TẬP ĐẠI THÀNH MỘT CHỦ NGHĨA MỚI

A. Những Đặc Điểm Của Ba Chủ Nghĩa Tâm Vật Sinh

Sau khi đã kiểm thảo ba chủ nghĩa trên đây, ta thấy những đặc điểm:

1. Mỗi chủ nghĩa đều xây đắp một nền tảng triết học trên một quan niệm về vũ trụ.
2. Phạm trù vũ trụ quan đó thường thiên về siêu hình mà thiếu mất phần khoa học thực tiễn.
3. Mỗi triết học chỉ nghiên cứu một điều kiện hoạt động của xã hội, như thế chỉ nắm giữ được một mặt mà không tung hợp được toàn thể sự thực.

B. Những Tiêu Chuẩn Thành Lập Chủ Nghĩa Mới

Một chủ nghĩa để được xứng đáng làm tiêu chuẩn cho nhân sinh vạn cổ, phải chú trọng vào mấy điểm sau đây:

1. Giải phóng cho loài người khỏi bóng tối siêu hình của vũ trụ quan và tỏ rõ rằng: loài người là một thể sống đặc biệt, một vũ trụ đơn độc tự trị trong vũ trụ toàn thể, khác hẳn với sự vận động của vật chất¹².

¹² Nếu chủ nghĩa duy tâm quan niệm sự vật chúng ta nhận được qua những cảm giác không là gì khác hơn những ý tưởng và những ý tưởng không thể hiện hữu ngoài tinh thần của chúng ta... Rồi chủ nghĩa duy vật quan niệm vật chất là thực tại có trước, tinh thần có sau và phụ thuộc vào vật chất; không phải tinh thần sáng tạo ra thế giới và vật chất mà chính thế giới, vật chất hay tự nhiên sinh ra tinh thần... Tuy nhiên, triết học hiện đại đã cho thấy sự phân chia về vật chất và tinh thần chỉ là sự phân chia nội tại cơ bản của con người. Tính khu biệt giữa vật chất và tinh thần là thực tế biểu hiện dưới nhiều hình thái nhưng không thể coi những hình thái này tuyệt đối là vật chất hay tinh thần. Bởi con người là một hữu thể thực tiễn, tự do và sáng tạo - nên hoạt động tri thức của con người không thuần túy chỉ là phản ánh của thực tại. Minh xác hơn, thể sống của con người không đơn giản là một quá trình vận động của vật chất. Trong lúc Hình Nhi thượng học, Siêu hình học chưa thể giải thích bản thể của vạn vật một cách đầy đủ triệt để vì bản thân của người nghiên cứu chưa chứng nhập bản thể - thì thân thể con người qua Thiên định đã thực hiện được khả năng bất khả thị này. (HVL)

2. Quyết định hẳn cái chân lý, lấy chân lý làm y quy cho đời sống tinh thần và nền tảng cho đời sống thực tiễn. Sự quyết định một chân lý là cần yếu cho loài người để đi đến sự thành thực giác ngộ.

3. Tập đại thành tất cả các ngành ngôn học hiểu từ xưa đến nay để điều khiển, đặt định vấn đề nào vào địa vị này.

C. Những Vấn Đề Cần Phải Giải Quyết

Mấy quan niệm trên đây tỏ ra rằng nền triết học mới phải giúp loài người giải quyết mấy điều sau này:

1. Giác ngộ Nhân Chủ: Phải đưa đến một giác ngộ Nhân Chủ. Loài người là thể sống tự trị trong toàn thể vũ trụ, cho nên những luật tắc vũ trụ muốn chuyển dịch sang cho nhân loại, cần phải tu chỉnh lại một cách thành thực giác ngộ.
2. Vấn đề nhận thức Khách Quan, Chủ Quan: Trong vấn đề nhận thức, nêu rõ mấy nguyên tắc sau này mà Kant cũng đã tìm thấy, đó là sự phân chia giữa mục đích khách quan và mục đích chủ quan của muôn vật.

Một sự vật gì thường có hai mục đích: Mục đích khách quan là có tính cách *đương nhiên* của sự vật, tỷ dụ như mưa là mưa; còn mục đích chủ quan là xét theo cái công năng thực dụng cho loài người.

Vì thế nên nói đến chân lý, có thể chia ra từng tầng:

- a. Chân lý Đương Nhiên Khách Quan: Ở phương diện hoàn toàn khách quan, vũ trụ là biểu hiện cho các chân lý Đương Nhiên Khách Quan.
- b. Chân lý Tuyệt Đối Chủ Quan: Sang đến xã hội tự tính, chân lý không còn tính chất đương nhiên khách quan mà đã sang Tuyệt Đối Chủ Quan.
- c. Chân lý Tương Đối Khách Quan: Quan niệm loài người Nhất Tính chỉ là một cách nhìn lý tưởng hơn, thực ra xã hội loài người tiến hóa hạn định bởi khí hậu, điều kiện phân bố, kinh nghiệm lịch sử tích lũy¹³. Cho nên từ quan niệm lý tưởng Nhất Tính sang lập trường thực tế, chân lý Tuyệt Đối trở thành chân lý Tương Đối Khách Quan.

¹³ Ngoài thời gian tính, không gian tính là một yếu tố khác trong cấu trúc của hiện hữu con người. (HVL)

Vì vậy khẩu hiệu tối cao của các dân tộc là: chính kiến chân lý vũ trụ thông qua chân lý Người mà đặt định vào phương diện dân tộc riêng biệt, chuyển dịch (transposition) được tính chất chân lý rất cần cho kiến thiết loài người.

Tóm lại, vũ trụ trong khách quan mục đích là con số không (zéro), nó là Vô Nguyên. Sang đến loài người, chân lý đã thành Nhất Nguyên, mà đứng trên lập trường dân tộc cần nắm giữ được chân lý Đa Nguyên.

3. Ba tầng chân lý Nhiên-Nhân-Dân: Vì những lý lẽ nói trên, loài người cần tập đại thành lại ý thức và hình thái nhân loại bằng sự nắm giữ được luật tắc chuyển dịch giữa ba tầng: Duy Nhiên, Duy Nhân và Duy Dân.

- a. Duy Nhiên là phần Vũ Trụ quan (Vô Nguyên Đương Nhiên, Khách Quan tương đối).
- b. Duy Nhân là phần Nhân Loại Xã Hội thuần túy quan (Nhất Nguyên, Tuyệt Đối, Chủ Quan chân lý).
- c. Duy Dân là phần Chính Trị Quan (Đa Nguyên, Tương Đối, Khách Quan chân lý).

Công việc cần yếu của loài người là khu định được ba tầng nhận thức đó, tức là vận dụng được thành thực cái trình tự thứ cận tự (graduation approximative) của biện chứng thông thường, như thể mới bao gồm được toàn thể, toàn trình, toàn diện và tập đại thành được Tâm, Vật, Sinh.

Thử lấy cái biện chứng về phần Duy Nhiên ta sẽ thấy nó có tính chất bao gồm mà thoát hẳn được cái luận điệu cơ giới của những biện chứng khác:

- Tam Đoạn Luận của Duy Tâm phái chỉ phát triển được một đoạn Tĩnh của thực tại.
- Biện chứng của Duy Vật chỉ được một đoạn Động.

Còn trong biện chứng Duy Nhiên của chủ nghĩa Duy Dân có đặc điểm:

- a. Bao gồm Tự Kỷ và Ý Tha vận động, Tuyệt Đối và Tương Đối vận động.
- b. Bao gồm Kết Hợp và Vận Động làm hỗ tương nguyên nhân.
- c. Bao gồm Toàn Trình, Toàn Thể, Toàn Diện thành nhiều thể hệ biện chứng (infinité dialectique).

Căn cứ vào biện chứng Duy Nhiên đó, đem chuyển dịch sang phần Duy Nhân và Duy Dân, có thể thành lập được biện chứng Duy Nhân và Duy Dân.

Chương V

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY DÂN THẮNG NGHĨA

A. Phần Quy Nạp

1. Cơ Bản Lý Luận.

- a. Căn Cứ Tối Cao: Duy Dân lấy căn cứ tối cao là NGƯỜI, không phải là cá biệt mà ở trong XÃ HỘI NGƯỜI, trên một tiền đề triết học lấy ngay từ ngày thành lập mà trích thu lấy cái tinh hoa của nó. Tính Đồng Nhất Nguyên Thủy đó là Xã Hội Tự Tính; quan niệm ấy không bao giờ tiêu tan được, vì loài người không sống ngoài đoàn thể được.
- b. Tiền Đề Tối Định là Nhân đạo (Humanité). Loài người đứng trên lập trường NGƯỜI mà giải quyết vấn đề của loài người.
- c. Xuất Phát Tối Sơ: Triết học Duy Dân lấy Xuất Phát Tối Sơ là Người ở trong xã hội, kể từ ngày thành lập cái đoàn thể thứ nhất của loài người. Quan điểm này khác với xuất phát tối sơ của Duy Vật phái là Cộng Sản Nguyên Thủy và Mẫu Hệ. Đoàn thể thứ nhất đáng kể theo chủ nghĩa Duy Dân là Xã Hội Bình Sản Nguyên Thủy, nó là tổ chức Teuton ở Đức, Lạc Chế ở ta vào đời Hồng Bàng.

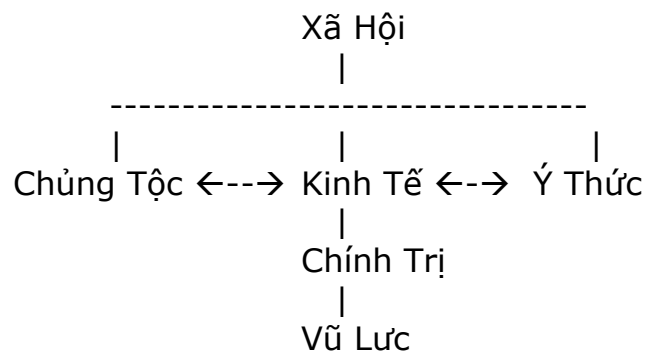
2. Công Cụ Lý Luận.

- a. Nhận Thức Luận: Như trên đã nói, chủ nghĩa Duy Dân có ba phép biện chứng tung hợp gồm ba thành phần lớn: Duy Nhiên, Duy Nhân và Duy Dân. Vận dụng biện chứng Duy Nhiên vào Xã Hội Tự Tính, mang luật tắc vũ trụ thông qua gạch Duy Nhân, có nghĩa là luật tắc vũ trụ thẩm thấu qua loài người phải bị tu chỉnh và trong sự vận hành là điều kiện hạn định. Sự tu chỉnh và hạn định lại càng sâu xa khi biện chứng Duy Nhiên qua gạch thực tiễn mà vào tầng Duy Dân.
- b. Phương Pháp Luận:
Ta có thể nói:
 - Phần Duy Nhiên là biện chứng thông thường về Tự Nhiên học thuật (sciences naturelles).
 - Phần Duy Nhân gồm Duy Nhiên biện chứng và Công Cụ học thuật (sciences instrumentales).
 - Phần Duy Dân gồm Duy Nhân biện chứng và Hiệu Dụng học thuật (sciences effectives).

Về những luật tắc vận dụng:

1. Vận Động và Kết Hợp là hỗ tương nguyên nhân: Tỷ dụ như trong khoa học có chất Astrakanite, gồm một thành phần thứ nhất 30% và một thành phần thứ hai chiếm 50%. Hai thành phần hỗ tương vận dụng, kết hợp ở một góc (alfa) nào đó thành chất Astrakanite. Chất này hỗ tương vận dụng với những chất khác như oxygène thành những chất mới. Vì thế nên biện chứng Duy Dân không có những tác dụng hoàn toàn tiêu cực chối bỏ như biện chứng khác (négative, négation de la négation). Sự chối bỏ chỉ là bước đầu tiến đến sự kết hợp.
 2. Bản Vị và Cơ Năng hỗ tương nguyên nhân: Vận động của Cơ Năng ảnh hưởng vào Bản Vị, phản động lại. Bản Vị ảnh hưởng vào Cơ Năng.
 3. Quá Khứ và Tương Lai hỗ tương nguyên nhân: Trên thời gian vận động, một đảng Bảo Thủ, một đảng Cấp Tiến, công năng vi diệu là ở chỗ giữ được cái nút vận động giữa Thủ và Tiến.
 4. Lịch Sử, Khoa Học, Triết Học thống nhất: Trên phương pháp học hiểu, không phân biệt phương pháp nào là thuần túy Lịch Sử, Khoa Học, Triết Học cả.
 5. Vũ Trụ Quan, Nhân Loại Quan, Chính Trị Quan thống nhất.
- c. Hành Động Luận: Năm luật tắc ấy kết hợp lại thành một cấu thức (fomule composante) của Duy Dân:

Xã Hội Tự Tính → Thực Tiễn = Nhân chủng



- Xã Hội Tự Tính tiêu biểu cho cái bản thể Nhất Tính nhân loại, thâm thấu vào thực tiễn kết thành đặc tính Nhân Chủng.
- Chủng Tộc, Kinh Tế, Ý Thức là ba điều kiện hoạt động của Xã Hội.

- Chính Trị là thành tựu thể vận động của các điều kiện trên.
- Vũ Lực là một áp dụng phi thường của thành tựu thể để phát dương tự vệ và sinh tồn dân tộc.
Nên nhớ rằng, mấy điều kiện chủng tộc, kinh tế, ý thức thường hỗ tương vận dụng để thành tựu và thay đổi xã hội.
Điều nhận xét đó giải thích rõ sự khác nhau trong quá trình diễn tiến lịch sử Đông Tây.
Trong khi Âu Châu vượt qua phong kiến sang thương nghiệp và công nghiệp, Á Châu ngập ngừng trong nông nghiệp, thương nghiệp mà không vượt sang công nghiệp cũng chỉ vì kinh tế và ý thức không vận động với nhau mà thôi.

B. Phân Diễn Dịch

1. Thuần Tuý Lý Luận

- a. Xã Hội Quan: Xã hội là một tổ chức nhân tính, mà chính trị là sự thiết kế và chấp hành nhân sinh, lấy giáo dục làm khởi điểm và chung điểm của chính trị.
- b. Lịch Sử Quan: Luận về Lịch Sử thì Duy Dân cho là vận động xã hội tự tính qua nền tảng và điều kiện đặc tính thời đại và dân tộc.
- c. Nhân Tính Quan: Luận về Tính Người, Duy Dân chủ nghĩa cho là Vô Kỳ Tính, nghĩa là tính người bản lai Không Thiện, Không Ác.

2. Thực Tiễn Lý Luận

- a. Cách Mạng Luận có ba mục tiêu:
 1. Cải tạo tự nhiên (Tán Dục).
 2. Cải tạo và phân bố hoàn cảnh (Kiến Chế).
 3. Đặt định cương thường cho loài người (Đồng Nhân).
- b. Chính Trị luận chủ trương sự nắm giữ vận mệnh quốc gia và quốc dân bằng sự giác ngộ Nhân Chủ và kiến thiết loài người trên nền tảng Nhân Bản, trong kiến trúc lập thể của Nhân Tính. Chính Trị luận gồm chín chỉ nam Nhân Chủ (Xem Chu Tri Lục VII).
- c. Kiến Thiết Luận: Kiến thiết xã hội nhân tính bình hành phát triển ba điều kiện: Giáo Dục, Hôn Nhân, Kinh tế dưới một tổ chức Dân Chủ của Nhân Chủ.

C. Phần Hiệu Quả

1. Lịch Sử Luận: Khám phá ra Thời Cơ Luận, nắm giữ được tính chất đương biến của lịch sử.
2. Vận Mệnh Luận: Chủ trương giác ngộ Nhân Chủ để loài người có thể nắm giữ vận mệnh của mình, lấy sự nắm giữ đó làm tuyệt đích mà định kiến quyết định cải tạo kiến trúc xã hội, vì vận mệnh con người phần lớn ở trong tổ chức cơ năng xã hội.
3. Văn Minh Luận: Nền văn minh Duy Dân là nền văn minh Nhân Chủ, loài người tự nắm giữ được yếu điểm chi phối đời sống để thực hiện sự ổn định Nhân Đạo, nó là tối cao mục đích của chủ nghĩa.

X.Y. Lý Đông A

Ghi chú:

- Tài liệu này do 002/HX (Học Xã) ấn hành.
- Đây là văn bản ghi lại một khóa huấn luyện do Lý Đông A trực tiếp giảng cho một số trí thức tại Hà Nội, không rõ thời gian, để giải thích tài liệu *Ám Thị Biểu*.
- Phần chú giải do Huỳnh Việt Lang trách nhiệm biên tập, tháng 12 năm 2016.